Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 67, No. 9, 287-290

ASSESSMENT OF DROWNING PREVENTION KNOWLEDGE AMONG STUDENTS AT TRAN PHU SECONDARY SCHOOL, TRAN HUNG DAO WARD, HUNG YEN PROVINCE, 2026

Hoang Dat Tuan Thanh*, Nguyen Van Duc, Do Ngoc Huyen,
Tran Quy Do, Ha Tho The Anh, Luu Tuan Hiep, Dang Thi Van Quy

Thai Binh University of Medicine and Pharmacy - No. 373 Ly Bon, Tran Lam Ward, Hung Yen Province, Vietnam

Received: 08/06/2026
Revised: 19/07/2026; Accepted: 18/09/2026

ABSTRACT

Objective: To describe the knowledge of drowning prevention among students at Tran Phu Secondary School, Tran Hung Dao Ward, Hung Yen Province, in 2026

Subjects and Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted from July 2025 to May 2026 among 414 students of Tran Phu Secondary School, Tran Hung Dao Ward, Hung Yen Province. Data were collected through a structured survey to assess students' knowledge of drowning prevention

Conclusion: The study findings indicated that 62.6% of students had adequate knowledge of drowning prevention. Among students with adequate knowledge, males accounted for 51.0% and females for 49.0%. The primary sources of information regarding drowning first aid were school-based education and training programs (47.9%), followed by television and mass media channels (44.9%)

Keywords: Drowning, Drowning prevention knowledge, Tran Phu Secondary School.

*Corresponding author
Email: hoangthanh.32.10a4@gmail.com **Phone:** (+84) 357952547 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i9.6766

KIẾN THỨC VỀ PHÒNG CHỐNG ĐUỐI NƯỚC CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN PHÚ PHƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2026

Hoàng Đạt Tuấn Thành*, Nguyễn Văn Đức, Đỗ Ngọc Huyền,
Trần Quý Đô, Hà Thọ Thế Anh, Lưu Tuấn Hiệp, Đặng Thị Vân Quý

Trường đại học Y Dược Thái Bình - Số 373 Lý Bôn, P. Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày nhận: 08/06/2026
Ngày sửa: 19/07/2026; Ngày đăng: 18/09/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức về phòng chống đuối nước của học sinh trường trung học cơ sở Trần Phú, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên năm 2026.

Đối tượng và PPNC: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thực hiện từ tháng 7/2025 đến 5/2026 điều tra trên 414 học sinh trường trung học cơ sở Trần Phú, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên năm 2025

Kết quả: Sau thời gian nghiên cứu cho biết tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt về phòng chống đuối nước là 62,6%: tỷ lệ học sinh nam đạt là 51% và tỷ lệ học sinh nữ đạt là 49%. Nguồn thông tin chủ yếu về sơ cứu đuối nước đến từ trường học, tập huấn là 47,9% và từ Tivi, báo đài chiếm 44,9%.

Từ khoá: Đuối nước, Kiến thức đuối nước, Trường trung học cơ sở Trần Phú.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), trong thập kỷ vừa qua, đuối nước đã cướp đi sinh mạng của hơn 2,5 triệu người trên toàn cầu, ước tính có 235.600 người chết đuối mỗi năm. Đuối nước là một trong mười nguyên nhân tử vong hàng đầu ở trẻ em từ 5-14 tuổi. Hơn 90% số ca tử vong do đuối nước xảy ra ở các nước có thu nhập thấp và trung bình [1]. Đuối nước là nguyên nhân gây tử vong đứng thứ tư ở nhóm trẻ 1–4 tuổi và đứng thứ ba ở nhóm 5–14 tuổi [2]. Mặc dù tỷ lệ tử vong do đuối nước toàn cầu đã giảm 38% từ năm 2000 (từ 6,1 xuống còn 3,8/100.000 dân), song đây vẫn là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong do tai nạn thương tích [1].

Tại Việt Nam, đuối nước là 1 trong 10 nguyên nhân gây tử vong hàng đầu cho trẻ em từ 5 đến 14 tuổi. Theo thống kê của Bộ Y tế Phòng chống tai nạn thương tích cho thấy mỗi năm có gần 2.000 trẻ em dưới 16 tuổi tử vong do đuối nước [3]. Đuối nước là một tai nạn thương tích có thể phòng ngừa được thông qua sự tham gia của cộng đồng và việc nâng cao kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống đuối nước cho người dân, đặc biệt là trẻ em độ tuổi 11-14. Ở độ tuổi này, các em đang phát triển mạnh về thể chất và tâm lý, để đánh giá và tiếp thu những kiến thức từ môi trường xung quanh.

Mục tiêu nghiên cứu: Mô tả kiến thức về phòng chống đuối nước của học sinh trường trung học cơ sở Trần Phú, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên năm 2026.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu:

Học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 đang học tại trường THCS Trần Phú phường Trần Hưng Đạo.

- *Tiêu chuẩn lựa chọn:* Học sinh có mặt tại lúc thực hiện khảo sát và tình nguyện tham gia vào nghiên cứu.

Địa điểm nghiên cứu: Trường THCS Trần Phú phường Trần Hưng Đạo tỉnh Hưng Yên.

2.1.2. Thời gian nghiên cứu: Từ 07/2025 đến 05/2026.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.
- Cỡ mẫu nghiên cứu: Công thức tính cỡ mẫu được áp dụng cho điều tra cắt ngang sử dụng công thức ước lượng tỷ lệ đơn giản:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

α: Mức ý nghĩa thống kê (α =0,05)

$Z^2_{1-\alpha/2}$: Là giá trị từ phân phối chuẩn, được tính dựa trên giá trị α . Như vậy: $Z^2_{1-\alpha/2}$=1,96

p: Tỷ lệ học sinh có kiến thức, thái độ, thực hành đạt về phòng chống đuối nước. Tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt về phòng chống đuối nước. Dựa trên nghiên cứu trước đó là 52,7% [4].

Hoặc tỷ lệ học sinh có thái độ đạt về phòng chống đuối nước. Dựa trên nghiên cứu trước đó là 89,1% [5].

Hoặc tỷ lệ học sinh có thực hành đạt về phòng chống đuối nước. Dựa trên nghiên cứu trước đó là 34,7% [4].

d=0,05 (sai số tuyệt đối 5%).

Thay lần lượt các giá trị p vào công thức, tính được cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu là 383 học sinh. Trên thực tế chúng em điều tra được 414 học sinh.

Chọn mẫu:

- Chọn trường: Chọn chủ định trường THCS Trần Phú
- Chọn lớp: Số học sinh trong các lớp là tương đương nhau (khoảng từ 40-50 học sinh) nên tiến hành chọn lớp ngẫu nhiên theo hình thức bốc thăm, cụ thể: lập danh sách tất cả các lớp theo khối trong trường nghiên cứu, điền lần lượt các lớp vào phiếu bốc thăm, bốc ngẫu nhiên các lớp theo khối lần lượt từ đầu đến cuối, mỗi khối lấy 2 lớp.
- Sau khi bốc thăm chúng em có được cỡ mẫu theo từng khối lớp:

Khối	Lớp được chọn	Số sinh viên chọn
Lớp 6	A+A2	109
Lớp 7	A1+ A3	89
Lớp 8	A+A1	118
Lớp 9	A1+A4	98

*Tác giả liên hệ
Email: hoangthanh.32.10a4@gmail.com **Điện thoại:** (+84) 357952547 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i9.6766

- Nội dung/chỉ số nghiên cứu: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu bao gồm: lớp, giới, kiến thức về phòng chống đuối nước

- Phương pháp thu thập số liệu: Phỏng vấn theo bộ câu hỏi xây dựng sẵn đã được thông qua hội đồng khoa học và được điều tra thử

- Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức: Kiến thức đạt khi tổng điểm các câu hỏi về kiến thức của học sinh đạt từ 70% trở lên. Nhóm kiến thức có 14 câu bao gồm các câu: 6, 8, 10, 15, 16, 17, 18, 21, 23, 26, 27, 28, 29, 40. Tổng điểm là 47 điểm. Học sinh có kiến thức đạt cần ít nhất 70% tổng điểm, tương ứng cần đạt ít nhất 33 điểm.

- Xử lý số liệu: Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được nhập và quản lý bằng phần mềm EPI DATA và được phân tích bằng phần mềm SPSS 16.0 .

2.3. Đạo đức nghiên cứu

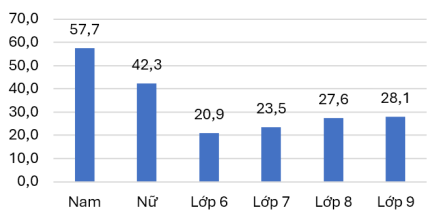
Đề tài nghiên cứu được thông qua và phê duyệt bởi hội đồng khoa học module Dự án học thuật, trường Đại học Y Dược Thái Bình, đồng thời việc tiến hành nghiên cứu được sự chấp nhận và cho phép của Ban Giám Hiệu trường tiến hành nghiên cứu. Nghiên cứu được tiến hành dựa trên sự đồng thuận của học sinh và mọi thông tin về học sinh trong nghiên cứu đều được bảo mật.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=414)

Thông tin		n	%
Giới	Nam	231	55,8
	Nữ	183	44,2
Khối lớp	Lớp 6	109	26,3
	Lớp 7	89	21,5
	Lớp 8	118	28,5
	Lớp 9	98	23,7

Qua kết quả bảng cho thấy: Tỉ lệ tham gia nghiêm cứu của học sinh nam là 55,8% trong khi tỉ lệ học sinh nữ tham gia nghiên cứu là 44,2%. Bảng cũng cho thấy tỉ lệ tham gia của học sinh khối lớp 6 và lớp 9 là cao nhất chiếm tỉ lệ lần lượt là 26,3% và 28,5%. Tỷ lệ học sinh lớp 7 trong nghiên cứu là 21,5% trong khi khối lớp 9 là 23,7%.



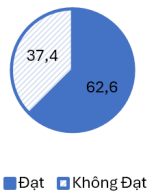
Biểu đồ 1. Tỷ lệ học sinh biết sơ cứu nạn nhân đuối nước theo giới và khối lớp (n=196)

Về tỷ lệ học sinh biết sơ cứu nạn nhân đuối nước, kết quả khảo sát ghi nhận 196 (47,3%) học sinh biết cách sơ cứu nạn nhân đuối nước trong đó tỷ lệ học sinh nam có kiến thức sơ cứu chiếm 57,7%, trong khi tỷ lệ này ở học sinh nữ là 42,3%. Phân theo khối lớp, tỷ lệ học sinh biết sơ cứu có sự gia tăng dần theo độ tuổi, cụ thể tại khối 6 là 20,9%, khối 7 đạt 23,5%, khối 8 đạt 27,6% và cao nhất là khối 9 với 28,1%.

Bảng 2. Tỷ lệ về nguồn thông tin mà học sinh được cung cấp về sơ cứu đuối nước (n=196)

Nguồn thông tin	n	%
Người thân	52	26,5
Từ TV, đài báo	88	44,9
Từ nhân viên y tế dạy	51	26
Trường học, tập huấn	94	47,9
Khác	4	2,0

Trường học, tập huấn, TV, đài báo là nguồn thông tin phổ biến nhất trong việc cung cấp các kiến thức về phòng chống đuối nước cho học sinh, chiếm 44,9%; kế đó lần lượt là người thân (26,5%) nhân viên y tế (26%). Có 2% học sinh được cung cấp kiến thức phòng chống đuối nước từ nguồn khác.



Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ kiến thức đạt về phòng chống đuối nước (n=414)

Tính chung trên toàn mẫu khảo sát, tổng tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt về phòng chống đuối nước là 62,6%, trong khi tỷ lệ không đạt là 37,3%

Bảng 3. Tỷ lệ kiến thức đạt về phòng chống đuối nước theo giới và khối lớp (n=259)

Thông tin chung		Kiến thức đạt		p
		n	%	
Giới	Nam	132	51	< 0,05
	Nữ	127	49	
Khối lớp	Lớp 6	51	19,7	< 0,05
	Lớp 7	54	20,8	
	Lớp 8	79	30,5	
	Lớp 9	75	29,0	
Chung		259	100	

Trong nhóm học sinh có kiến thức đạt, nhóm học sinh nam đạt tỷ lệ 51% và nhóm học sinh nữ đạt tỷ lệ 49%. Phân theo khối lớp, tỷ lệ kiến thức đạt ghi nhận được ở khối 6 là 19,7%, khối 7 là 20,8%, khối 8 đạt tỷ lệ cao nhất với 30,5% và khối 9 đạt tỷ lệ 29%. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p<0,05..

4. BÀN LUẬN

Tỷ lệ học sinh biết sơ cứu nạn nhân đuối nước theo khối lớp cho thấy có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm tuổi. Tỷ lệ học sinh biết sơ cứu tăng dần từ lớp 6 (20,9%) lên lớp 7 (23,5%), lớp 8 (27,5%) và cao nhất ở lớp 9 (28,1%). Xu hướng này cho thấy kiến thức và kỹ năng sơ cứu có sự cải thiện theo độ tuổi và quá trình tích lũy kinh nghiệm học tập. Đáng chú ý, học sinh lớp 6 – nhóm nhỏ tuổi nhất trong nghiên cứu – lại có tỷ lệ chưa biết sơ cứu cao nhất (62,39%). Đây là nhóm dễ tổn thương do còn hạn chế về thể chất và khả năng đánh giá nguy cơ, nhưng lại chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng cần thiết. Điều này cho thấy giáo dục phòng chống đuối nước hiện nay có xu hướng đến muộn, chưa được triển khai sớm ngay từ đầu cấp trung học cơ sở. Khi đặt trong tương quan so sánh với các địa phương khác, tỷ lệ biết sơ cứu 47,3% của học sinh trường THCS Trần Phú cao hơn so với kết quả tại huyện Hoài Đức – Hà Nội (chỉ đạt 33,5%) và nhỉnh hơn học sinh tại huyện Mê Linh – Hà Nội (đạt 44,3%) hay vùng dân tộc thiểu số Gia

Lai (nơi 74,9% học sinh thiếu kỹ năng sơ cứu) [4], [5], [6].

Kết quả lại cho thấy nguồn thông tin chủ yếu mà học sinh tiếp cận về phòng chống đuối nước là từ trường học, tập huấn (47,9%) và từ TV, đài báo (44,9%). Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận thông tin từ người thân chiếm 26,5% và từ nhân viên y tế chiếm 26%. Điều này phản ánh vai trò tương đối nổi bật của nhà trường và phương tiện truyền thông đại chúng trong việc cung cấp kiến thức phòng chống đuối nước cho học sinh. Việc trường học, tập huấn chiếm tỷ lệ cao nhất (47,9%) cho thấy công tác truyền thông – giáo dục trong môi trường học đường đã có tác động nhất định. Đây là tín hiệu tích cực, vì trường học là môi trường thuận lợi để triển khai các chương trình giáo dục kỹ năng sống một cách hệ thống và đồng bộ. Nguồn thông tin từ TV, đài báo chiếm 44,9%, cho thấy vai trò quan trọng của truyền thông đại chúng trong nâng cao nhận thức cộng đồng. Tỷ lệ học sinh nhận thông tin từ người thân (26,5%) và nhân viên y tế (26,0%) còn tương đối khiêm tốn. Trong khi gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát và định hướng hành vi của trẻ, kết quả này cho thấy việc giáo dục phòng chống đuối nước trong gia đình có thể chưa được chú trọng đúng mức.

Kết quả cho thấy học sinh đạt mức kiến thức về phòng chống đuối nước theo tiêu chí đánh giá của nghiên cứu có: nam chiếm 51% và nữ chiếm 49%. Về mặt tỷ lệ tuyệt đối, sự phân bố giữa hai giới khá tương đồng. Tuy nhiên, kiểm định thống kê cho thấy giá trị ($p < 0,05$), chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa giới tính và tỷ lệ kiến thức đạt. Điều này cho thấy giới tính có liên quan đến mức độ kiến thức về phòng chống đuối nước trong nghiên cứu, tương đồng với xu hướng ghi nhận tại huyện Mê Linh và thành phố Huế, nơi giới tính luôn là yếu tố có mối liên quan mật thiết đến kiến thức và kỹ năng an toàn nước [4], [7]. Phân tích theo khối lớp cho thấy tỷ lệ kiến thức đạt có sự phân bố không đồng đều: lớp 8 chiếm tỷ lệ cao nhất (30,5%), tiếp theo là lớp 9 (29%), lớp 7 (20,8%) và thấp nhất là lớp 6 (19,7%). Kiểm định thống kê cho thấy $p = 0,00$ ($< 0,05$), chứng tỏ sự khác biệt giữa các khối lớp có ý nghĩa thống kê. Điều này có thể do sự tích lũy kiến thức theo thời gian, mức độ trưởng thành về nhận thức và khả năng tiếp thu thông tin tốt hơn ở nhóm tuổi cao. Đồng thời, học sinh lớp 8 và 9 tại Trường THCS Trần Phú có thể đã được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa hoặc tập huấn từ nhà trường hơn so với lớp 6 và 7, khi đây là nguồn cung cấp thông tin chính chiếm tới 47,9%. So sánh với một số nghiên cứu trong nước, xu hướng tăng kiến thức theo độ tuổi cũng được ghi nhận tương tự tại thành phố Huế, nơi nghiên cứu đã tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa khối lớp và năng lực phòng chống tai nạn [7]. Trong khi đó, theo UNICEF, việc giáo dục kỹ năng an toàn nước nên được triển khai sớm và liên tục qua nhiều cấp học để đảm bảo tính bền vững [8]

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt về phòng chống đuối nước là 62,6%. Nguồn thông tin chủ yếu về sơ cứu đuối nước đến từ trường học, tập huấn là 47,9% và từ Tivi, báo đài chiếm 44,9%. Tỷ lệ học sinh biết sơ cứu nạn nhân đuối nước ở giới nam là 57,7% trong khi ở giới nữ là 42,3%

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] World Health Organization (2021). Viet Nam marks First World Drowning Prevention Day: anyone can drown, no one should [online database]. Geneva: World Health Organization,

[2] World Health Organization (2024). Drowning [online database]. Geneva: World Health Organization

[3] Bộ Y tế (2022). Đuối nước khiến gần 2.000 trẻ em Việt Nam dưới 16 tuổi tử vong mỗi năm. Bộ Y tế

[4] Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Bích Diệp, Hoàng Đức Phúc (2024). Kiến thức, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh một trường Trung học cơ sở thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội năm 2023. Tạp chí y học cộng đồng, tập 65 số CĐ 5-NCKH, tr. 173-179. https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD5.1269

[5] Nguyễn Hoài Linh, Trần Thị Hồng (2021). Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội năm 2020. Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển, tập 05, tr. 132-140. https://doi.org/10.38148/JHDS.0501SKPT20-072

[6] Nguyễn Tiến Dũng, Trần Văn Điện và Hoàng Việt Trung (2021). Từ thực trạng đề xuất giải pháp nâng cao kỹ năng phòng tránh tai nạn đuối nước cho trẻ em ở vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai. Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, tập 10, số 1, tr. 40-48. https://doi.org/10.52714/dthu.10.1.2021.843

[7] Võ Minh Hoàng, Ngô Quý Trân, Hoàng Trần An Phương và cộng sự. (2024). Thực trạng và kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông và đuối nước của học sinh Trung học cơ sở ở thành phố Huế. Tạp chí Y học Việt Nam, tập 534 số 1B, 109–113. https://doi.org/10.51298/vmj.v534i1B.8253

[8] UNICEF (2025). Child Drowning Prevention in Viet Nam [online database]. UNICEF